

Số: 846/2017/QĐST- DS

Quận 3, ngày 08 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 268/TLST-KDTM ngày 15/3/2017

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần G.

Trụ sở: 128A Đường N, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Đại diện: Bà Ngô Thị Hoàng A – Theo giấy ủy quyền số 03/GUQ-GR ngày 09/3/2017.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển S (tên mới Công ty Cổ phần A)

Trụ sở: 14B đường K, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện: Bà Trần Thị Hg– Theo giấy ủy quyền số 11/IDC-UQ ngày 09/5/2017.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển S (tên mới Công ty Cổ phần A) và Công ty Cổ phần G thống nhất: Hợp đồng Hợp tác đầu tư kinh doanh sản phẩm dự án S số 09/HĐ.SDIDC-GR ngày 12/6/2014, Phụ lục 01 Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh sản phẩm Dự án S số 09/HĐ.SDIDC-GR ngày 12/6/2014, Phụ lục 02 Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh sản phẩm Dự án S số 09/HĐ.SDIDC-GR ngày 12/6/2014 và Phụ lục 03 Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/PLHĐ.SDIDC-GR ngày 05/3/2015 đã bị hủy bỏ từ ngày 20/12/2016 (theo Công văn 384/2016/IDC-TH ngày 20/12/2016).

2.2 Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển S (tên mới Công ty Cổ phần A) và Công ty Cổ phần G thống nhất đóng tài khoản chung số: XYZ, tên tài khoản: Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển S được mở tại Ngân hàng T – Chi nhánh G (tài khoản phát sinh từ bộ Hợp đồng Hợp tác đầu tư kinh doanh sản phẩm dự án S số 09/HĐ.SDIDC-GR ngày 12/6/2014).

2.3 Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển S (tên mới Công ty Cổ phần A) xác nhận còn giữ của Công ty Cổ phần G số tiền: 11.902.482.200 đồng (bằng chữ: mười một tỷ chín trăm lẻ hai triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn hai trăm đồng).

2.4 Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển S (tên mới Công ty Cổ phần A) trả lại cho Công ty Cổ phần G số tiền 11.902.482.200 đồng (bằng chữ: mười một tỷ chín trăm lẻ hai triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn hai trăm đồng) theo phương thức như sau:

+ Lần 1 vào ngày 01/8/2017: Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển S (tên mới Công ty Cổ phần A) sẽ thanh toán cho Công ty Cổ phần G số tiền: 1.784.605.339 đồng (một tỷ bảy trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm lẻ năm ngàn ba trăm ba mươi chín đồng).

+ Lần 02 vào ngày 07/8/2017: Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển S (tên mới Công ty Cổ phần A) sẽ thanh toán cho Công ty Cổ phần G số tiền còn lại là: 10.117.876.861 đồng (mười tỷ một trăm mười bảy triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi một đồng).

Kể từ ngày hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển S (tên mới Công ty Cổ phần A) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển S (tên mới Công ty Cổ phần A) còn phải trả số tiền lãi trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thi hành.

2.5 Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: 59.951.241 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi một ngàn hai trăm bốn mươi một đồng), nguyên đơn – Công ty Cổ phần G tự nguyện chịu. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 59.951.241 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi một ngàn hai trăm bốn mươi một đồng) mà nguyên đơn đã đóng theo biên lai thu tiền số AC/2014/0003515 ngày 14/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Công ty Cổ phần G đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp.HCM
- VKSND Q.3;
- Chi cục THADS Q.3;
- Lưu: Vp; Hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoài Nam Phương